

KẾT QUẢ CẢN ĐẠT

Cảm nhận được tâm hồn lãng mạn độc đáo của thi sĩ Tân Đà và những dấu hiệu đổi mới cả về nội dung và nghệ thuật theo hướng hiện đại của thơ ca Việt Nam vào đầu những năm 20 của thế kỉ XX.

TIỂU DẪN

Tân Đà (1889 – 1939) tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu, quê ở làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Nội). Quê hương ông nằm bên bờ sông Đà, gần chân núi Tân Viên. Ông sinh ra và lớn lên trong buổi giao thời, Hán học đã tàn mà Tây học cũng mới bắt đầu, nên con người ông, kể cả học vấn, lối sống và sự nghiệp văn chương đều mang dấu ấn “người của hai thế kỉ” (Hoài Thanh). Tân Đà theo học chữ Hán từ nhỏ, nhưng sau hai khoá thi Hương hỏng, ông bỏ thi, chuyển sang sáng tác văn chương quốc ngữ.

Vào những năm 20 của thế kỉ XX, tên tuổi Tân Đà nổi lên như một ngôi sao sáng trên thi đàn. Các tác phẩm chính của Tân Đà : *Khởi tình con I, II* (thơ – 1916, 1918), *Giấc mộng con I, II* (truyện phiêu lưu viễn tưởng – 1916, 1932), *Khởi tình bản chính, Khởi tình bản phụ* (luận thuyết – 1918), *Còn chơi* (thơ và văn xuôi – 1921), *Thơ Tân Đà* (1925), *Giấc mộng lớn* (tự truyện – 1928),...

Diệu tâm hồn mới mẻ, “cái tôi” lãng mạn bay bổng, vừa phóng khoáng, ngông nghênh, vừa cảm thương, ưu ái trong thơ văn ông đã chinh phục thế hệ độc giả mới đầu thế kỉ XX. Giữa lúc thơ phú nhà nho tàn cuộc, Tân Đà có lối đi riêng, vừa tìm về với ngọn nguồn thơ ca dân gian và dân tộc, vừa có những sáng tạo độc đáo, tài hoa. Thơ văn ông có thể xem như một gạch nối giữa hai thời đại văn học của dân tộc : trung đại và hiện đại.

Bài *Hầu Trời* in trong tập *Còn chơi*, xuất bản lần đầu năm 1921. Trong tác phẩm này còn có những bài nổi tiếng khác như *Còn chơi, Lo văn ế, Tống biệt...*



Tân Đà

VĂN BẢN

Đêm qua chẳng biết có hay không,
Chẳng phải hoảng hốt, không mơ mộng.
Thật hỏn ! Thật phách ! Thật thân thể !
Thật được lên tiên – sướng lạ lùng.

Nguyên lúc canh ba nằm một mình,
Vất chân dưới bóng ngọn đèn xanh.
Nằm buồn, ngồi dậy đun nước uống,
Uống xong ấm nước, nằm ngâm vân.

Chơi vân ngâm chán lại chơi trăng
Ra sân cùng bóng đi tung tăng
Trên trời bỗng thấy hai cô xuống
Miệng cười mím mím cùng nói rằng :

– “Trời nghe hạ giới ai ngâm nga,
Tiếng ngâm vang cả sông Ngân Hà⁽¹⁾!
Làm Trời mất ngủ, Trời đương mắng
Có hay lên đọc, Trời nghe qua.”

Ước mãi bây giờ mới gặp tiên !
Người tiên nghe tiếng lại như quen !
Vân chương nào có hay cho lắm
Trời đã sai gọi thời phải lên.

Theo hai cô tiên lên đường mây
Vù vù không cánh mà như bay.
Cửa son đỏ chói, oai rực rỡ
Thiên môn để khuyết⁽²⁾ như là đây !

Vào trông thấy Trời, sụp xuống lạy
Trời sai tiên nữ dắt lời dạy.
Ghế bành như tuyết vân như mây
Truyền cho văn sĩ ngồi chơi đấy.

Chư tiên ngồi quanh đã tĩnh túc⁽³⁾
Trời sai pha nước để nhấp giọng.
Truyền cho “văn sĩ đọc văn nghe !”
– “Dạ bẩm lạy Trời con xin đọc.”

(1) *Ngân Hà* (*ngân* : bạc ; *hà* : con sông) : tên gọi của dải sao dây đặc vắt ngang bầu trời, trông như một dòng sông bạc.

(2) *Thiên môn để khuyết* (*thiên môn* : cửa trời ; *để khuyết* : cửa vào thiên đình) : chỉ cửa trời.

(3) *Tĩnh túc* (*tĩnh* hay *tịnh* : yên lặng ; *túc* : trú lại, ở lại) : ngồi yên chỗ, ngồi yên lặng.

Đọc hết văn vẫn sang văn xuôi
Hết văn thuyết lí lại văn chơi
Đương con đặc ý đọc đã thích
Chè trời nhấp giọng càng tốt hơi.

Văn dài hơi tốt ran cung mây !
Trời nghe, Trời cũng lấy làm hay.
Tâm⁽¹⁾ như nở dạ, Cơ⁽²⁾ lè lưỡi
Hằng Nga⁽³⁾, Chức Nữ⁽⁴⁾ chau đôi mày
Song Thành, Tiểu Ngọc⁽⁵⁾ lắng tai đứng
Đọc xong mỗi bài cùng vỗ tay.

– “Bẩm con không dám man⁽⁶⁾ của Trời
Những áng văn con in cả rồi
Hai quyển *Khối tình* văn thuyết lí
Hai *Khối tình con* là văn chơi
Thần tiên, *Giác mộng* văn tiểu thuyết
Đài gương, *Lên sáu* văn vị đời
Quyển *Đàn bà Tàu* lối văn dịch
Đến quyển *Lên tám*⁽⁷⁾ nay là mười
Nhờ Trời văn con còn bán được
Chưa biết con in ra mấy mươi ?”

Văn đã giàu thay, lại lắm lối
Trời nghe Trời cũng bật buồn cười !
Chư tiên ao ước tranh nhau dặn :
– “Anh gánh lên đây bán chợ Trời !”

Trời lại phê cho : “Văn thật tuyệt !
Văn trần được thế chắc có ít !”

(1) *Tâm* : tên một ngôi sao, ở đây tác giả còn lấy cả nghĩa chữ *tâm* là “lòng dạ” để viết *nở dạ* (một lối chơi chữ).

(2) *Cơ* : tên một ngôi sao. *Cơ* (chữ Hán) còn có nghĩa là “cái thúng”, “cái mẹt”, từ đó tác giả lấy nghĩa bóng để viết *lè lưỡi* (một lối chơi chữ).

(3) *Hằng Nga* : tên gọi mặt trăng, cũng chỉ người con gái đẹp.

(4) *Chức Nữ* : tên một ngôi sao ở phía bắc dải Ngân Hà, cũng là tên người con gái dệt vải trong truyện cổ *Ngưu Lang – Chức Nữ*.

(5) *Song Thành*, *Tiểu Ngọc* : tên hai thị nữ của bà Tây Vương Mẫu trên trời.

(6) *Man* : dối trá.

(7) *Khối tình*, *Khối tình con*, *Thần tiên*, *Giác mộng*, *Đài gương*, *Lên sáu*, *Đàn bà Tàu*, *Lên tám* : tên các tác phẩm của Tản Đà.

Nhời vân chuốt đẹp như sao băng !
Khí văn hùng mạnh như mây chuyển !
Êm như gió thoảng, tinh như sương !
Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết !
Chẳng hay văn sĩ tên họ gì ?
Người ở phương nào, ta chưa biết.”

– “Dạ, bẩm lạy Trời con xin thưa
Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn
Quê ở Á châu về Địa cầu
Sông Đà núi Tản nước Nam Việt.”

Nghe xong Trời ngỡ một lúc lâu
Sai bảo thiên tào⁽¹⁾ lấy sổ xét.
Thiên tào tra sổ xét vừa xong
Đệ sổ lên trình Thượng đế trông
– “Bẩm quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu
Đày xuống hạ giới vì tội ngông.”

Trời rằng : “Không phải là Trời đày,
Trời định sai con một việc này
Là việc “thiên lương”⁽²⁾ của nhân loại,
Cho con xuống thuật cùng đời hay.”

– “Bẩm Trời, cảnh con thực nghèo khó
Trần gian thước đất cũng không có
Nhờ Trời năm xưa học ít nhiều
Vốn liếng còn một bụng văn đó.
Giấy người mực người thuê người in
Mướn cửa hàng người bán phường phố.
Văn chương hạ giới rẻ như bèo
Kiếm được đồng lãi thực rất khó.
Kiếm được thời ít tiêu thời nhiều
Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.

(1) *Thiên tào* : chỗ ở của Trời, trong câu này tác giả muốn nói một vị quan trông coi sổ sách trên trời.

(2) *Thiên lương* : theo Tản Đà, *thiên lương* ở mỗi con người tùy thuộc vào sự tu dưỡng của bản thân. Ở nhiều tác phẩm khác, Tản Đà vẫn tự nhận mình là người được Trời trao cho nhiệm vụ làm sao cho *thiên lương* được hưng thịnh ở hạ giới : *Hai chữ “thiên lương” thăng Hiếu nhó – Dám xin không phụ Trời trông mong (Tiền ông Công lên châu Trời)*.

Lo ăn lo mặc hết ngày tháng
Học ngày một kém tuổi ngày cao
Sức trong non yếu ngoài chen rấp
Một cây che chống bốn năm chiều.
Trời lại sai con việc nặng quá
Biết làm có được mà dám theo.”

Rằng : “Con không nói Trời đã biết
Trời dẫu ngồi cao, Trời thấu hết
Thôi con cứ về mà làm ăn
Lòng thông chớ ngại chi sương tuyết !”

Vâng nhờ Trời dạy, lạy xin ra
Trời sai Khiên Ngưu⁽¹⁾ đóng xe tiên
Xe trời đã chực ngoài thiên môn
Chư tiên theo ra cùng tiễn biệt.

Hai hàng luy biệt giọt sương rơi
Trông xuống trần gian vạn dặm khơi.
Thiên tiên⁽²⁾ ở lại, trích tiên⁽³⁾ xuống
Theo đường không khí về trần ai.

Đêm khuya khí thanh sao thưa vắng
Trăng tà đưa lối về non Đoài⁽⁴⁾.
Non Đoài đã tới quê trần giới,
Trông lên chư tiên không còn ai.

Tiếng gà xao xác, tiếng người dậy
Giữa sân còn đứng riêng ngậm ngùi.
Một năm ba trăm sáu mươi đêm,
Sao được mỗi đêm lên hầu Trời !

(Theo *Tuyển tập Tản Đà*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986)

(1) *Khiên Ngưu* : tên một ngôi sao ở phía nam dải Ngân Hà, cũng là tên chàng chăn trâu trong truyện cổ *Ngưu Lang – Chức Nữ*, đã được Ngọc Hoàng gả Chức Nữ cho, nhưng vì phạm tội, bị Ngọc Hoàng phạt, mỗi năm chỉ được qua cầu Ô Thước (bắc qua dải Ngân Hà) gặp Chức Nữ một lần vào ngày thất tịch (7 – 7 âm lịch).

(2) *Thiên tiên* : tiên ở trên trời.

(3) *Trích tiên* : tiên bị đày xuống hạ giới. Ở nhiều tác phẩm khác, Tản Đà tự nhận mình là *trích tiên*.

(4) *Non Đoài* : núi phía tây, chỉ quê hương của Tản Đà (núi Tản Viên ở phía tây của Hà Nội).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Anh (chị) hãy phân tích khổ thơ đầu. Cách vào đề của bài thơ gợi cho người đọc cảm giác như thế nào về câu chuyện mà tác giả sắp kể ?
2. Tác giả đã kể lại chuyện mình đọc thơ cho Trời và chư tiên nghe như thế nào ? (Thái độ của tác giả, của chư tiên và những lời khen của Trời.) Qua đoạn thơ đó, anh (chị) cảm nhận được những điều gì về cá tính nhà thơ và niềm khao khát chân thành của thi sĩ ? Nhận xét về giọng kể của tác giả.
3. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là cảm hứng lãng mạn, nhưng trong bài lại có một đoạn rất hiện thực. Đó là đoạn thơ nào ? Tìm hiểu ý nghĩa đoạn thơ đó. Theo anh (chị), hai nguồn cảm hứng này ở thi sĩ Tản Đà có mối liên hệ với nhau như thế nào ?
4. Về mặt nghệ thuật, bài thơ này có gì mới và hay ? (Chú ý các mặt : thể loại, ngôn từ, cách biểu hiện cảm xúc, hư cấu nghệ thuật,...)

GHI NHỚ

Qua bài *Hầu Trời*, Tản Đà đã mạnh dạn tự biểu hiện “cái tôi” cá nhân – một “cái tôi” ngông, phóng túng, tự ý thức về tài năng, giá trị đích thực của mình và khao khát được khẳng định giữa cuộc đời. Bài thơ có nhiều sáng tạo trong hình thức nghệ thuật : thể thơ thất ngôn trường thiên khá tự do, giọng điệu thoải mái, tự nhiên, ngôn ngữ giản dị, sống động, hóm hỉnh.

LUYỆN TẬP

1. Bài *Hầu Trời* có ý tưởng gì hoặc câu thơ nào làm cho anh (chị) thích thú nhất ? Hãy viết một đoạn văn trình bày cảm xúc của mình.
- 2*. Anh (chị) hiểu thế nào là “ngông” ? Cái “ngông” trong văn chương thường bộc lộ một thái độ sống như thế nào ? (Có thể dẫn chứng qua những tác phẩm đã học.) Cái “ngông” của thi sĩ Tản Đà trong bài thơ này biểu hiện ở những điểm nào và có thể giải thích ra sao ?